TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** TỈNH N	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 16/2024/QĐCNTTLH	*TP.N, ngày 19 tháng 02 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

- Căn cứ vào các Điều 32, 33, 34, 35 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của anh Phạm Văn Đ và chị Trần Thị H.

Sau khi nghiên cứu đơn yêu cầu đề ngày 25 tháng 01 năm 2024 tại Hồ sơ Hòa giải đối thoại tại Tòa án số 10/2024/HNGĐ ngày 26/01/2024 về việc công nhận thuận tình ly hôn thỏa thuận nuôi con giữa:

- *Người yêu cầu*:

+ Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1980.

+ Chị Trần Thị H, sinh năm 1982.

Cùng trú tại: số nhà 01, ngách 12/330 đường L, phố A, phường N, thành phố N, tỉnh N.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 01 tháng 02 năm 2024 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải.
- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy Đ tại khoản 2 Điều 32 của Luật hòa giải đối thoại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 01 tháng 02 năm 2024 có đủ điều kiện quy Đ tại Điều 33 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 01 tháng 02 năm 2024 cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn Đ và chị Trần Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Phạm Văn Đ và chị Trần Thị H có 03 con chung là cháu Phạm Thị Yến N, sinh ngày 19/7/2002; cháu Phạm Gia B, sinh ngày 26/11/2004; cháu Phạm Bảo L sinh ngày 16/01/2013.

Hiện nay cháu N và cháu B đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Phạm Bảo L còn nhỏ anh Đ, chị H thống nhất thỏa thuận như sau: giao cho chị H được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục cháu L đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm nghìn đồng*) và toàn bộ chi phí học tập kể từ tháng 01/2024 cho đến khi cháu Long đủ 18 tuổi. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, anh Đ và chị H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Phạm Văn Đ và chị Trần Thị H tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Quyết Đ này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy Đ của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy Đ của pháp luật về thi hành án dân sự.

Kể từ ngày quyết Đ có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết Đ thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy Đ tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy Đ khác.

Trường hợp Quyết Đ được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bên tham gia hòa giải.
- VKSND Thành phố N;
- TAND tỉnh N
- Chi cục THADS Thành phố NB;
- UBND xã phường
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Thị Bích T